

Số: 87 /QĐ-TTHTPTGDHN

Điện Biên, ngày 10 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố công khai số liệu chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2023

Căn cứ nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Xét đề nghị của bộ phận Kế toán - Tài chính Trung tâm.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu chi Ngân sách Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tỉnh Điện Biên 6 tháng đầu năm 2023 (có biểu chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban Giám đốc, cán bộ giáo viên, nhân viên Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tỉnh Điện Biên tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC



Mai Thị Hồng Nhung

CÔNG KHAI SỐ LIỆU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số: ... /QĐ-TTHTPTGDHN ngày 03/4/2023 của Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tỉnh Điện Biên)

ĐVT: đồng

TT	Chỉ tiêu	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (Nếu có đơn vị trực thuộc)
A	Quyết toán thu, chi, nộp NS phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	1.612.956.396	693.097.783		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.540.181.396	1.540.181.396		
3.1.a	Kinh phí thực hiện tự chủ	1.540.181.396	1.540.181.396		
	Lương theo ngạch, bậc	623.432.842	623.432.842		
	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	49.375.200	49.375.200		
	Phụ cấp chức vụ	12.516.000	12.516.000		
	Phụ cấp khu vực	90.554.750	90.554.750		
	Phụ cấp thu hút	0	0		
	Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	0	0		
	Phụ cấp ưu đãi nghề	403.056.920	403.056.920		
	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	50.890.950	50.890.950		
	Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	81.707.384	81.707.384		

	Phụ cấp đặc biệt khác của ngành	0	0		
	Phụ cấp công tác lâu năm ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội ĐBKK	0	0		
	Phụ cấp khác	0	0		
	Sinh hoạt phí cán bộ đi học	0	0		
	Các khoản hỗ trợ khác	0	0		
	Thưởng thường xuyên	0	0		
	Tiền y tế trong các cơ quan, đơn vị	0	0		
	Chi khác	0	0		
	Bảo hiểm xã hội	134.054.927	134.054.927		
	Bảo hiểm y tế	23.013.751	23.013.751		
	Kinh phí công đoàn	15.245.948	15.245.948		
	Bảo hiểm thất nghiệp	7.671.247	7.671.247		
	Tiền điện	9.812.994	9.812.994		
	Tiền nước	11.765.215	11.765.215		
	Văn phòng phẩm	3.420.000	3.420.000		
	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	0	0		
	Vật tư văn phòng khác	1.430.000	1.430.000		
	Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại); thuê bao đường điện thoại; fax	428.268	428.268		
	Thuê bao kênh vệ tinh; thuê bao cáp truyền hình; cước phí Internet; thuê đường truyền mạng	3.762.000	3.762.000		
	Khác	3.190.000	3.190.000		
	Tiền vé máy bay, tàu, xe	1.030.000	1.030.000		
	Phụ cấp công tác phí	100.000	100.000		
	Tiền thuê phòng ngủ		0		
	Nhà cửa		0		
	Các thiết bị công nghệ thông tin	1.650.000	1.650.000		
	Tài sản và thiết bị văn phòng	7.923.000	7.923.000		
	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	0	0		
	Chi mua hàng hóa, vật tư	4.150.000	4.150.000		
	Đồng phục, trang phục; bảo hộ lao động	0	0		
	Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành	0	0		
	Chi các khoản phí và lệ phí	0	0		
	Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện	0	0		
	Chi thanh toán các dịch vụ... công tác Đảng, ... và phụ cấp cấp ủy	0	0		
3.1.b	Kinh phí tiết kiệm	<u>0</u>	<u>0</u>		
	Lương theo ngạch, bậc				
	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng				
	Phụ cấp chức vụ				
	Phụ cấp khu vực				
	Phụ cấp thu hút				
	Phụ cấp ưu đãi nghề				
	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc				
	Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề				
	Phụ cấp đặc biệt khác của ngành				
	Phụ cấp công tác lâu năm ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn				
	Bảo hiểm xã hội				
	Bảo hiểm y tế				
	Kinh phí công đoàn				
	Bảo hiểm thất nghiệp				
	Chi thanh toán các dịch vụ... công tác Đảng, ... và phụ cấp cấp ủy				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	72.775.000	0		
3.2.1	Kinh phí không thực hiện tự chủ	<u>72.775.000</u>	<u>0</u>		
	Trong đó: Cấp bù theo ND 86/2015/ND-CP	8.525.000			
	Hỗ trợ chi phí học tập theo ND86/2015	59.250.000			
	Hỗ trợ học sinh thôn, xã ĐBKK theo ND116/2016/ND-CP. Trong đó:	5.000.000			
	- Tiền hỗ trợ học sinh NDD/2016/ND-CP	5.000.000			
	- Tiền y tế trong các cơ quan, đơn vị				

LINH DIỆN

	- Thuê lao động trong nước				
	- Chi mua hàng hóa, vật tư				
3.2.2	Nguồn hoạt động khác được để lại	<u>0</u>	<u>0</u>		
	- Thường xuyên				
	- Thường khác				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				

